TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/4/2023
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Ngô Thị Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2023/HNGĐ-TLST ngày 08/3/2023, về việc " *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu Tr,** sinh năm 1991.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Nhật Bản

Người được chị Tr ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Lường Văn Đ**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Nhà 9, khu X1, ngõ 73 phố H, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương.

(Chị Tr, anh L đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr trình bầy: Chị và anh Trần Văn L tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 16/3/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mỗi người sống một nơi, vợ chồng ít gặp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không tiến triển, mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Trần Bảo Q, sinh ngày 26/10/2010 và Trần Văn T, sinh ngày 28/5/2014. Hiện nay cháu Q, cháu T đang ở với bố, ly hôn do chị đang ở nước ngoài nên chị đồng ý để anh L chăm sóc, nuôi dưỡng hai con. Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai con cùng anh L là 5.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn - anh Trần Văn L trình bày:

Về quan hệ vợ chồng : Anh và chị Tr tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 16/3/2010. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2018 chị Tr đi Nhật Bản lao động, thời gian đầu vợ chồng thường xuyên liên lạc, nhưng đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ít liên lạc với nhau, mỗi lần chị Tr gọi điện về chỉ nói chuyện với con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Anh và chị Tr có hai con chung là Trần Bảo Q, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Trần Văn Tr, sinh ngày 28/5/2014. Hiện nay hai con đang ở với anh. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con, chị Tr phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh. Anh đồng ý mức cấp dưỡng là 5.000.000đ/tháng đối với 2 con như quan điểm của chị Tr .

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh đồng ý để chị Tr tự nguyện chịu cả án phí ly hôn.

Do điều kiện công việc nên chị Tr không về Việt Nam để giải quyết ly hôn, chị ủy quyền cho ông Lường Văn Đ giao, nhận các văn bản tại Tòa án.Ông Đ có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của chị Tr. Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ

án, ông Đ đã thông tin cho chị Tr biết, chị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, đồng thời đề nghị xin được giải quyết vắng mặt.

Cháu Trần Bảo Q và cháu Trần Văn T đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Tr, anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Tr được ly hôn anh L. Về con chung: Giao cháu Trần Bảo Q, sinh ngày 26/10/2010 và cháu Trần Văn T, sinh ngày 28/5/2014 cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh L 5.000.000đ/tháng/2 con. Chị Tr phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu Tr có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Bị đơn anh Trần Văn L có hộ khẩu thường trú tại: thôn M, xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Tài liệu chị Tr gửi về Tòa án bao gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị đều được xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, do vậy, có căn cứ xác định nội dung các văn bản này thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của chị Tr.

Quá trình giải quyết vụ án anh L và chị Tr đều có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trần Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân
xã N, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 16/3/2010, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm,

không tìm thấy tiếng nói chung. Vợ chồng có thời gian dài xa cách, thiếu sự quan tâm đến nhau. Nay chị Tr và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Tr có đơn xin ly hôn, anh L cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Tr và anh L đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

- *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Trần Văn L có hai con chung là Trần Bảo Q, sinh ngày 26/10/2010 và Trần Văn T, sinh ngày 28/5/2014. Ly hôn chị Tr, anh L đều có quan điểm giao cháu T, cháu Q cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thực tế cháu Q, cháu T hiện đang ở với bố, được học tập và phát triển tốt, các cháu cũng đều có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Chị Tr đang ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam nên không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần tiếp tục giao cháu Q, cháu T cho anh L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh L 5.000.000đ/tháng/2con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu Tr được ly hôn anh Trần Văn L.

2.Về con chung: Giao con chung Trần Bảo Q, sinh ngày 26/10/2010 và Trần Văn T, sinh ngày 28/5/2014 cho anh Trần Văn L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr cấp dưỡng tiền nuôi hai con là 5.000.000đ/1tháng kể từ tháng 04/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Thu Tr được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh L có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị Tr không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa

thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số AA/2021/0003976 ngày 07 tháng 3 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Tr còn phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thu Tr, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Trần Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã N;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền